**ETS 5 TESTS – SCRIPT & TRANS – PART 2 – TEST 05**

|  |  |
| --- | --- |
| 11.  (W-Am) How much does this shirt cost?  (M-Au) (A) It’s a short course.  (B) Yes, it does.  **(C) Thirty-five dollars.** | 11.  Chiếc áo sơ mi này có giá bao nhiêu?  (A) Nó là một khoá học ngắn hạn.  (B) Đúng vậy.  **(C) 35 đô la.** |
| 12.  (M-Cn) Where should I leave this report?  (W-Br) **(A) On my desk.**  (B) The news reporter.  (C) At three-thirty. | 12.  Tôi nên để báo cáo này ở đâu đây?  **(A) Trên bàn của tôi.**  (B) Phóng viên tin tức.  (C) Tại số 330. |
| 13.  (M-Au) When will the marketing team meet?  (W-Am) (A) Yes, at the market.  (B) Nice to meet you.  **(C) Right after lunch.** | 13.  Khi nào thì đội tiếp thị họp mặt?  (A) Đúng vậy, tại chợ.  (B) Rất vui được gặp bạn.  **(C) Ngay sau giờ ăn trưa.** |
| 14.  (M-Cn) Which movie do you recommend?  (M-Au) (A) That’s a good suggestion.  (B) Let’s move it over there.  **(C) The comedy with Klaus**  **Thomas.** | 14.  Bạn đề xuất bộ phim nào?  (A) Đó là một đề nghị tốt.  (B) Chúng ta hãy di chuyển nó qua bên kia.  **(C) Phim hài của Klaus Thomas.** |
| 15.  (W-Br) Will Masako be joining us for  dinner?  (W-Am) (A) A table for five, please.  **(B) Yes, she’ll be here soon.**  (C) She enjoyed it. | 15.  Masako có ăn tối cùng chúng ta không?  (A) Một bàn cho 5 người.  **(B) Có, cô ấy sẽ đến đây sớm.**  (C) Cô ấy thích nó. |
| 16.  (W-Br) Who was hired to fill the factory  manager position?  (M-Au) (A) No, I don’t.  (B) Not too tired.  **(C) No one, yet.** | 16.  Ai đã được tuyển vào vị trí quản lí nhà máy?  (A) Không, tôi không làm.  (B) Không quá mệt mỏi.  **(C) Chưa có ai cả.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 17.  (M-Cn) May I sit in the front row?  (W-Am) (A) Yes, very low.  **(B) No, those seats are reserved.**  (C) Set them on the table. | 17.  Tôi có thể ngồi ở hàng ghế trước không?  (A) Đúng vậy, rất là thấp.  **(B) Không, những chỗ ngồi đó đã được**  **đặt trước.**  (C) Đặt chúng trên bàn. |
| 18.  (W-Am) The accounting supervisor is sick  today.  (W-Br) (A) I just counted it.  **(B) I hope he feels better soon.**  (C) Which number was it? | 18.  Người giám sát kế toán hôm nay bị ốm.  (A) Tôi vừa đếm nó xong.  **(B) Tôi hi vọng anh ấy sẽ sớm ổn hơn.**  (C) Nó là số mấy? |
| 19.  (M-Au) When will you get back from your  trip?  (W-Am) **(A) On Friday night.**  (B) In the back row.  (C) Britain and France. | 19.  Khi nào thì bạn sẽ trở về từ chuyến đi của bạn?  **(A) Vào tối thứ Sáu.**  (B) Ở hàng phía sau.  (C) Anh và Pháp. |
| 20.  (M-Cn) Which printer should we order?  (W-Br) **(A) Let’s get the latest model.**  (B) Print your name here.  (C) In two more days. | 20.  Chúng ta nên đặt hàng máy in nào?  **(A) Hãy đặt mẫu mới nhất.**  (B) In tên của bạn lên đây.  (C) Trong 2 ngày nữa. |
| 21.  (W-Am) Where is the press conference  going to be held?  (M-Au) (A) Mainly journalists.  **(B) Downstairs in the lobby.**  (C) There aren’t enough copies. | 21.  Cuộc họp báo sẽ được tổ chức ở đâu?  (A) Chủ yếu là các nhà báo.  **(B) Ở sảnh phía dưới lầu.**  (C) Không có đủ bản sao. |
| 22.  (M-Cn) Are you interested in going to the  presentation?  (W-Am) **(A) I don’t have time.**  (B) That’s really interesting.  (C) Yes, a very nice present. | 22.  Bạn có muốn đến xem thuyết trình không?  **(A) Tôi không có thời gian.**  (B) Việc đó thật sự thú vị.  (C) Đúng vậy, một món quà dễ thương. |

|  |  |
| --- | --- |
| 23.  (M-Cn) Who’s in charge of planning this  event?  (W-Br) (A) That was the plan.  **(B) One of my colleagues is.**  (C) Yes, if you can. | 23.  Ai chịu trách nhiệm lên kế hoạch cho sự kiện này?  (A) Đó là kế hoạch.  (**B) Một trong những đồng nghiệp của tôi.**  (C) Đúng vậy, bạn có thể. |
| 24.  (W-Br) Should we review our notes today,  or is tomorrow OK?  (M-Cn) (A) They got great reviews.  (B) Yes, I noticed.  **(C) It doesn’t matter to me.** | 24.  Chúng ta nên xem qua những ghi chú trong hôm nay hay là để mai?  (A) Họ đã nhận được những đánh giá rất tốt.  (B) Đúng vậy, tôi đã để ý.  **(C) Nó không là vấn đề với tôi.** |
| 25.  (W-Am) This article seems a little long.  (M-Au) **(A) Well, it does cover a lot of**  **topics.**  (B) I had a haircut.  (C) How about just a short visit? | 25.  Bài báo này có vẻ khá là dài.  **(A) Đúng là nó bao gồm nhiều chủ đề.**  (B) Tôi đã đi cắt tóc.  (C) Chỉ một chuyến thăm ngắn thì sao? |
| 26.  (W-Br) Why is Rita moving to Berlin?  (M-Cn) (A) Within the next month.  **(B) She’s working on a project**  **there.**  (C) We’ll hire a moving company. | 26.  Tại sao Rita sắp sửa chuyển đến Berlin?  (A) Trong vòng 1 tháng.  **(B) Cô ấy sẽ làm việc trong 1 dự án ở đó.**  (C) Chúng tôi sẽ thuê một công ty vận  chuyển. |
| 27.  (M-Au) Should I get a messenger to deliver  these brochures?  (W-Am) (A) Yes, it’s sure to be.  (B) A voice mail message.  **(C) No, I’ll have time to do it.** | 27.  Tôi có nên nhờ người đưa thư để giao những cuốn sách quảng cáo này không?  (A) Đúng vậy, chắc chắn là vậy.  (B) Một tin nhắn thoại.  **(C) Không, tôi sẽ bỏ thời gian làm việc đó.** |
| 28.  (W-Br) How late are you going to be here  tonight?  (M-Au) (A) Yes, we all will.  (B) He was late for the performance.  **(C) I’m leaving at seven.** | 28.  Tối nay bạn dự định đến đây vào lúc nào?  (A) Đúng vậy, tất cả chúng tôi đều vậy.  (B) Anh ấy đã đến buổi diễn trễ.  **(C) Tôi sẽ ra khỏi nhà lúc 7 giờ.** |

|  |  |
| --- | --- |
| 29.  (M-Au) Would you like some help cleaning  the laboratory?  (W-Br) (A) The help desk is downstairs.  (B) An experimental process.  **(C) Yes, please – there’s a lot to do.** | 29.  Bạn có cần giúp làm vệ sinh phòng thí nghiệm không?  (A) Bàn trợ giúp ở dưới lầu.  (B) Một quá trình thí nghiệm.  **(C) Có, làm ơn giúp với – có quá nhiều việc phải làm.** |
| 30.  (M-Cn) Isn’t he the director of the program?  (W-Br) (A) I have a different computer  program.  **(B) Yes, he’s been here for fifteen**  **years.**  (C) The directions are fairly simple. | 30.  Có phải ông ấy là đạo diễn chương trình không?  (A) Tôi có một chương trình máy tính khác.  **(B) Phải, ông ấy đã ở đây được 15 năm.**  (C) Những chỉ dẫn thì khá là đơn giản. |
| 31.  (W-Br) Could you take these documents to  the billing department?  (W-Am) (A) They’re not building yet.  (B) Yes, the apartment’s available.  **(C) Who should I give them to?** | 31.  Bạn có thể mang những tài liệu này đến bộ phận hoá đơn không?  (A) Họ vẫn chưa xây dựng.  (B) Đúng vậy, bộ phận đang rảnh rỗi.  **(C) Tôi nên đưa chúng cho ai?** |
| 32.  (M-Cn) You made extra copies of the  agenda, didn’t you?  (M-Au) **(A) Oh, but I forgot to bring them.**  (B) Thanks for doing that.  (C) No, the exit’s on the left. | 32.  Bạn đã sao chép ra nhiều bản sao của chương trình họp phải không?  **(A) Ồ, nhưng tôi đã quên mang chúng theo.**  (B) Cảm ơn bạn vì đã làm việc đó.  (C) Không, lối ra ở bên trái. |
| 33.  (W-Am) The training session will last about  three hours.  (M-Cn) (A) No, it’s our first choice.  **(B) Do all employees need to**  **attend?**  (C) The train’s a good idea. | 33.  Buổi đào tạo sẽ kéo dài khoảng 3 tiếng.  (A) Không, nó là lựa chọn đầu tiên của  chúng tôi.  **(B) Tất cả nhân viên có cần phải tham gia**  **không?**  (C) Đi tàu là một ý tưởng hay. |
| 34.  (M-Au) Would you like to ride with us to the  hotel?  (M-Cn) **(A) If you have room in the taxi.**  (B) A single room, please.  (C) That’s the right one. | 34.  Bạn có muốn đi chung với chúng tôi đến khách sạn không?  **(A) Nếu bạn có chỗ trên taxi.**  (B) Một phòng đơn.  (C) Đó là điều đúng đắn. |

|  |  |
| --- | --- |
| 35.  (M-Cn) Why is the company issuing new  uniforms?  (W-Am) **(A) They’re supposed to be more**  **comfortable.**  (B) Yes, sign these forms.  (C) Did you buy a subscription? | 35.  Tại sao công ty lại phát đồ đồng phục mới?  **(A) Những đồ này được cho là thoải mái**  **hơn.**  (B) Đúng vậy, hãy kí vào những đơn này.  (C) Bạn đã mua đăng kí dài hạn chưa? |
| 36.  (W-Am) Didn’t we already send an invoice  to Mr. Gomez?  (M-Au) (A) No, his voice is very clear.  **(B) Yes, but he asked for another**  **copy.**  (C) One dollar and thirty cents. | 36.  Chúng ta đã gửi hoá đơn cho ông Gomez rồi phải không?  (A) Không, giọng nói của ông ấy rất rõ ràng.  **(B) Đúng vậy, những ông ấy đã yêu cầu**  **thêm một bản sao nữa.**  (C) 1 đô la và 30 cent. |
| 37.  (W-Br) Would you like me to order one, or  two boxes of business cards?  (M-Cn) **(A) Is there a discount for buying**  **two?**  (B) Actually, I can drive my own  car.  (C) In order by last name. | 37.  Bạn muốn tôi đặt hàng 1 hay 2 hộp thẻ kinh doanh?  **(A) Mua 2 hộp thì có được giảm giá**  **không?**  (B) Thực ra thì tôi có thể lái xe của mình.  (C) Theo thứ tự Họ tên. |
| 38.  (M-Cn) Michael didn’t leave any files for  me, did he?  (M-Au) (A) No, not far from here.  (B) Just leave it on the table.  **(C) Yes, that pile over there.** | 38.  Michael đã không để lại hồ sơ nào cho tôi đúng không?  (A) Không, cách đây không xa.  (B) Chỉ cần để nó trên bàn.  **(C) Có, chồng tài liệu ở kia.** |
| 39.  (M-Au) It’ll take two months to remodel the  conference room.  (W-Br) **(A) Where should we meet until**  **then?**  (B) It’s in London this year.  (C) At three o’clock on Tuesday. | 39.  Sẽ mất 2 tháng để tân trang lại phòng hội nghị.  **(A) Từ giờ đến đó thì chúng ta nên họp ở**  **đâu?**  (B) Năm nay là ở Luân Đôn.  (C) Vào lúc 3 giờ thứ Ba. |

|  |  |
| --- | --- |
| 40.  (W-Am) Shouldn’t we ask for volunteer to  organize the party?  (W-Br) **(A) That would make it easier.**  (B) No, not very organized.  (C) Thanks – it was agreat party. | 40.  Chúng ta có nên nhờ tình nguyện viên để tổ chức bữa tiệc không?  **(A) Điều đó sẽ giúp việc tổ chức dễ dàng**  **hơn.**  (B) Không, không có tổ chức cho lắm.  (C) Cảm ơn bạn – Đó là một bữa tiệc tuyệt  vời. |